

THE “SCAFFOLDING” TEACHING METHOD AND ITS APPLICATION IN TEACHING CHINESE ORAL COURSE AT HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION

Nguyen Van Thien

Faculty of Chinese Language and Culture, Hanoi National University of Education, Hanoi city, Vietnam

*Corresponding author Nguyen Van Thien,
e-mail: thiennv_tq@hnue.edu.vn

Received February 11, 2024.

Revised March 12, 2024.

Accepted April 2, 2024.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC “BẮC GIÀN GIÁO” VÀ VIỆC ỨNG DỤNG VÀO GIẢNG DẠY MÔN KHẨU NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Nguyễn Văn Thiện

Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn Thiện,
e-mail: thiennv_tq@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/2/2024.

Ngày sửa bài: 12/3/2024.

Ngày nhận đăng: 2/4/2024.

Abstract. The “scaffolding” teaching method is a teaching model originating from Constructivist Theory and the Zone of Proximal Development (ZPD) developed by Vygotsky. It offers new insights into dealing with the relationship between “teaching” and “learning”. The changing roles of teachers and students, promoting students' collaborative learning and exploration abilities, and cultivating students' independent problem-solving abilities of this teaching model have helped teachers improve their skills and enhance their educational and teaching abilities. In the process of implementing “scaffolding” teaching, we need to grasp the following key points: teachers need to clarify their roles, arrange a reasonable conceptual framework according to students' levels, and check control interactive teaching in the student's “ZPD” and gradually reduce the role of the “scaffolder”. In this article, we would like to analyze the birth of the concept of “scaffolding”, its basic characteristics, and teaching steps. Finally, we applied it to teaching Chinese oral courses for students majoring in Chinese language at HNUE.

Keywords: “scaffolding”, constructivism, ZPD, Chinese.

Tóm tắt. Dạy học theo kiểu “bắc giàn giáo” là một mô hình dạy học bắt nguồn từ Lý thuyết kiến tạo và Vùng phát triển gần nhất. Nó thực sự cho ta những hiểu biết mới trong việc giải quyết mối quan hệ giữa “dạy” và “học”. Sự thay đổi vai trò của giáo viên và học sinh, phát huy khả năng học tập tìm tòi hợp tác của học sinh và trau dồi khả năng giải quyết vấn đề độc lập của học sinh của mô hình giảng dạy này đã giúp giáo viên nâng cao khả năng giáo dục và giảng dạy của họ. Trong quá trình triển khai dạy học theo kiểu “bắc giàn giáo”, chúng ta cần nắm những điểm mấu chốt sau: giáo viên cần làm rõ vai trò của mình, bố trí khung khái niệm hợp lý theo trình độ của học sinh, kiểm soát việc dạy học tương tác trong “vùng phát triển gần nhất” của học sinh và rút dần vai trò của người “bắc giàn giáo”. Trong bài viết này, chúng tôi xin phân tích sự ra đời của khái niệm “bắc giàn giáo”, đặc điểm cơ bản và các bước dạy học của nó. Cuối cùng, chúng tôi ứng dụng vào giảng dạy giờ Khẩu ngữ tiếng Trung Quốc cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường ĐHSPT Hà Nội.

Từ khóa: “bắc giàn giáo”, kiến tạo, vùng phát triển gần nhất, tiếng Trung Quốc.

1. Mở đầu

Phương pháp dạy học “bắc giàn giáo” (scaffolding) được phát triển từ những quan điểm của lý luận kiến tạo (Constructivism) và vùng phát triển gần nhất (ZPD), nhấn mạnh hoạt động tương

tác giữa người dạy và người học. Theo đó, người dạy phải hướng người học phát triển từ trình độ tri nhận này lên một trình độ tri nhận khác cao hơn thông qua hệ thống khung khái niệm cũng giống như chúng ta từng bước leo lên giàn giáo vậy. Thông qua các bước như *thiết kế khung khái niệm, thiết kế tình huống, hợp tác học tập, độc lập tìm tòi, đánh giá hiệu quả* và một bài khẩu ngữ dạy cho sinh viên K72 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của trường ĐHSP Hà Nội, chúng ta thấy lớp học khẩu ngữ truyền thống lấy người dạy làm trung tâm, “nhồi nhét” kiến thức ngôn ngữ được thay bằng lấy học sinh làm trung tâm, bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề và năng lực học tập tự chủ của học sinh. Tham gia lớp học như vậy, học sinh được giao tiếp nhiều nhất có thể, được nâng cao năng lực giao tiếp trong ngữ cảnh gần với thực tế, từ đó không ngừng được nâng cao tri thức và năng lực tri nhận cho mình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hai lí thuyết dẫn đến sự ra đời của khái niệm “bắc giàn giáo”

2.1.1. Lí thuyết kiến tạo

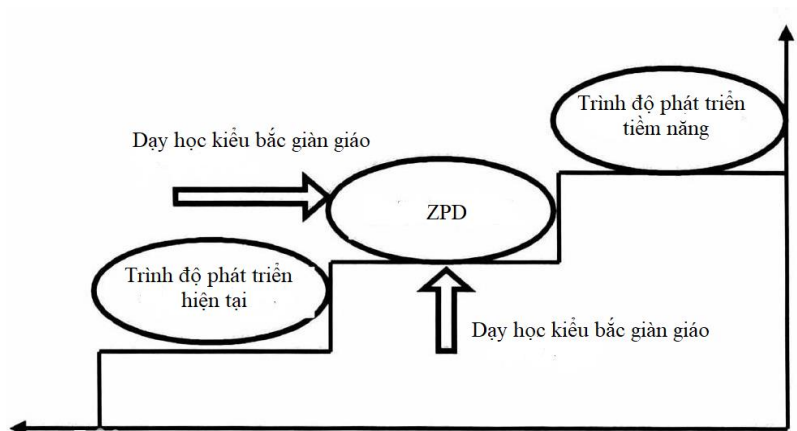
Nhà tâm lí học Piaget là người đề xuất lí thuyết kiến tạo sớm nhất (1955). Trên cơ sở đó, Bruner và những người khác tiếp tục phát triển và hoàn thiện. Tư tưởng cơ bản của lí thuyết kiến tạo là quan điểm về tri thức, học tập, học sinh và giảng dạy. Lí thuyết kiến tạo nhấn mạnh vị trí chủ thể và tính năng động chủ quan của học sinh, giáo viên là người tích cực thúc đẩy, hướng dẫn học sinh kiến tạo tri thức; học sinh là người tham gia tích cực vào hoạt động dạy học đó.[1]

Dạy học là hoạt động giữa giáo viên và học sinh, giữa các bạn trong lớp với nhau, thông qua giao tiếp và tương tác, học sinh tự kiến tạo lên một khung tri thức mới, vai trò của giáo viên là giúp học sinh xây dựng một “giàn giáo” để chúng có thể tự chủ học tập trong quá trình tương tác. Lí thuyết giàn giáo cho rằng khi trẻ bắt đầu học các khái niệm mới, chúng cần sự hỗ trợ tích cực từ giáo viên hoặc người lớn. Ban đầu, các em trông cậy vào sự hỗ trợ của người lớn, nhưng dần dần sự hỗ trợ này giảm dần khi các em ngày càng trở nên độc lập hơn trong quá trình tư duy và tiếp thu các kĩ năng, kiến thức mới. Trong quá trình ấy, các cấu trúc và cách thức hoạt động giữa người lớn và trẻ em tự nhiên cho ta gợi nhớ đến cấu trúc giàn giáo bên ngoài tòa nhà. Và khi công trình xây dựng hoàn thành, giàn giáo được dỡ bỏ. Vì vậy, vai trò giúp trẻ nhỏ nhận thức cái mới của giáo viên cũng có giống như người làm giàn giáo: hỗ trợ ngắn hạn và cuối cùng là dỡ bỏ.

2.1.2. Lí thuyết về vùng phát triển gần nhất

Lí thuyết về “vùng phát triển gần nhất” của Vygotsky cho rằng: sự phát triển của học sinh có hai cấp độ. *Một là* trình độ hiện tại của học sinh, tức là trình độ có thể dựa vào chính mình hoàn thành và giải quyết vấn đề một cách độc lập; *hai là* trình độ phát triển tiềm năng mà học sinh có được, tức là trình độ mà về mặt lí thuyết có thể đạt được sau những nỗ lực không ngừng nghỉ của sinh viên. Sự khác biệt giữa hai cấp độ này là “vùng phát triển gần nhất” và “chúng luôn vận động, phát triển: vùng phát triển gần nhất hôm nay thì ngày mai sẽ trở thành trình độ hiện tại và xuất hiện vùng phát triển gần nhất mới. Vì vậy, dạy học và phát triển phải gắn bó hữu cơ với nhau. Dạy học phải đi trước quá trình phát triển, tạo ra vùng phát triển gần nhất, là điều kiện bộc lộ sự phát triển” [2]. Việc dạy học không bao giờ được thụ động thích ứng với trình độ phát triển trí tuệ hiện có của học sinh mà phải đi trước sự phát triển, không ngừng hướng sự phát triển trí tuệ của học sinh từ cấp độ này sang cấp độ mới cao hơn.

Ý tưởng về phương pháp dạy học “bắc giàn giáo” chính là từ lí thuyết “vùng phát triển gần nhất” của Vygotsky. Các nhà giáo dục kiến tạo đã mượn khái niệm “giàn giáo” làm phép ẩn dụ trực quan cho khung khái niệm trong quá trình học tập. Thông qua “chức năng giàn giáo”, trí tuệ của học sinh có thể được nâng cao liên tục từ cấp độ này lên cấp độ mới cao hơn và việc dạy học thực sự có thể đi đầu quá trình phát triển.



Hình 1. Dạy học kiểu bắc giàn giáo

Hoạt động dạy học không phải là dạy một cách mù quáng, người dạy nên lấy vùng phát triển gần nhất làm cơ sở, quá trình dạy phải có nội dung giảng dạy tương đối khó nhưng không nên vượt quá cấp độ thứ hai. Như vậy mới có thể tạo hứng thú, chủ động trong học tập và tích cực suy nghĩ cho học sinh. Vì vậy, thông qua thảo luận với giáo viên và bạn cùng lớp, cùng với sự giúp đỡ của giáo viên khi cần thiết, học sinh sẽ thuận lợi vượt qua được “vùng phát triển gần nhất”.

2.1.3. Khái niệm dạy học theo kiểu “bắc giàn giáo”

Khái niệm “bắc giàn giáo” (scaffolding) được Bruner đưa ra vào năm 1976.[3] Bruner là một nhà giáo dục và tâm lý học nổi tiếng người Mỹ. “Scaffolding”, vốn là một thuật ngữ trong xây dựng. Các nhà giáo dục kiến tạo đã dùng nó để ẩn dụ một khung khái niệm (conceptual framework), giúp cho người học kiến tạo nên những hiểu biết về tri thức và năng lực tri nhận của mình. Bằng việc chuyển đổi nhiệm vụ quản lý việc học từ giáo viên (GV) sang chính người học, GV tham gia hướng dẫn, giúp đỡ (dụng giàn giáo) hay rút lui (dỡ giàn giáo) khi thích hợp và cho phép học sinh tự mình đạt đến cấp độ tiếp theo, phương pháp này có tác dụng hỗ trợ người học trong giải quyết vấn đề và kiến tạo ý nghĩa cho riêng mình. Việc học được triển khai và thúc đẩy dưới vai trò hướng dẫn, giúp đỡ của GV, qua đó người học có thể nắm được, kiến tạo lên những kỹ năng và tri thức cho mình, từ đó có thể thực hiện được những hoạt động tri nhận ở trình độ cao hơn. Theo Dự án giáo dục và rèn luyện từ xa (DGXIII) của Cộng đồng Châu Âu, dạy học theo kiểu bắc giàn giáo “là phương pháp dạy học tạo dựng một khung khái niệm giúp cho người học kiến tạo lên những hiểu biết của mình về tri thức. Vì thế, nó có tác dụng phân giải các nhiệm vụ phức tạp, để rồi giúp người học ngày càng hiểu biết sâu sắc hơn.” [4] Các nhà giáo dục kiến tạo cho rằng, việc GV hướng học sinh phát triển từ trình độ tri nhận này lên một trình độ tri nhận khác cao hơn thông qua hệ thống khung khái niệm cũng giống như chúng ta từng bước leo lên giàn giáo. Trong đó, vai trò của GV là cố gắng nâng đỡ học sinh hoàn thiện khung khái niệm này, qua đó giúp cho học sinh không ngừng phát triển tri thức và năng lực tri nhận của mình. Việc học tập và được thúc đẩy bởi vai trò hướng dẫn, giúp đỡ của GV, qua đó học sinh có thể nắm được, kiến tạo nên những kỹ năng và tri thức cho mình, từ đó có thể thực hiện được những hoạt động tri nhận ở trình độ cao hơn. Nói một cách ngắn gọn, phương pháp này thực hiện việc chuyển đổi nhiệm vụ quản lý việc học từ GV sang chính học sinh thông qua sự tham gia hướng dẫn, giúp đỡ (dụng giàn giáo) và rút lui (dỡ giàn giáo) của GV.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Đặc điểm cơ bản của việc dạy học “bắc giàn giáo”

Dạy học “bắc giàn giáo” nhấn mạnh hai vấn đề: một là, hoạt động tương tác giữa GV - người học; hai là, hỗ trợ ngắn hạn và giảm dần mức độ can dự. Trong quá trình triển khai, phương pháp này thể hiện ba đặc điểm chủ yếu sau đây:

Dạy học trong vùng phát triển gần nhất. Vùng phát triển gần nhất là một không gian lí tưởng để GV tham gia vào hoạt động học tập của người học. Vì thế, bản chất của phương pháp dạy học là dạy học trong vùng phát triển gần nhất. *Thứ nhất*, GV cần phát hiện ra vùng phát triển gần nhất của người học. Thông thường, vùng phát triển gần nhất thường được thể hiện dưới hình thức một không gian ảo và ẩn, chỉ khi đứng trước những vấn đề cần giải quyết, nó mới được bộc lộ rõ. Cho nên, GV cần phải không ngừng thiết kế các tình huống chứa đựng các vấn đề cần giải quyết (bắc giàn giáo) để giúp cho người học thể hiện vùng phát triển gần nhất của mình. Điều đó có nghĩa là, GV phải nắm rõ trình độ hiện tại của người học và sự chênh lệch giữa trình độ hiện tại với nội dung mà người học cần phải học. *Thứ hai*, GV duy trì quá trình dạy học nằm trong vùng phát triển gần nhất. Muốn vậy, GV luôn cần phải căn cứ vào nhu cầu và năng lực của người học để điều chỉnh mức độ can thiệp của mình. Có thể GV cần phải phân tách nhiệm vụ, hướng dẫn người học sắp xếp lại các tư liệu liên quan, làm mẫu, giải đáp ngắn gọn một số vấn đề khó, giảm bớt mức độ khó... sao cho phù hợp với nhu cầu nhận thức và năng lực tri nhận của người học.

Thể hiện mối quan hệ hợp tác một cách hiệu quả. Mục tiêu của phương pháp này là giúp cho người học có thể học tập một cách độc lập và tự chủ thông qua các hoạt động đối thoại và đi sâu rèn luyện năng lực tri nhận của người học. Điều này không có nghĩa là yêu cầu người học mô phỏng các hoạt động của GV hoặc thực hiện máy móc các yêu cầu của GV, bởi vì mỗi người học đều có thể chọn cho mình những phương thức đối thoại hay giải quyết vấn đề khác nhau. Ở đây, GV cần phải đưa ra những điều kiện hoạt động cho người học, hợp tác chân thành với người học, dự đoán được diễn biến có thể xảy ra với mỗi hoạt động, khuyến khích người học đi giải quyết các vấn đề theo hướng tư duy của chúng. GV là người hướng dẫn, đồng hành, hợp tác cùng người học trong mọi hoạt động của lớp học, từ việc đưa ra vấn đề, nêu ra phương pháp giải quyết chúng đến việc tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá hiệu quả quá trình thực hiện.

GV từng bước giảm dần mức độ can dự. Trong xây dựng, chỉ khi nào công trình xây dựng đã hoàn tất người ta mới dỡ bỏ giàn giáo. Song ở đây, GV có thể dỡ bỏ giàn giáo ngay trong quá trình học bằng cách rút lui, giảm dần mức độ can dự vào hoạt động học tập của người học ngay khi tri thức và năng lực tri nhận của chúng đạt được trình độ phát triển ở bậc cao hơn. Như trên đã nói, mục đích của phương pháp dạy học kiểu “bắc giàn giáo” là bồi dưỡng năng lực tự điều tiết cho người học, giúp người học biết cách học tập và có khả năng tự học. Vì vậy, khi các năng lực này đã trưởng thành, GV cần phải từng bước chuyển quyền quản lí việc học cho người học.

2.2.2. Thiết kế các bước dạy học

Phương pháp dạy học “bắc giàn giáo” thực chất là tạo dựng khung khái niệm để sinh viên (SV) kiến tạo tri thức và năng lực tri nhận. Thông thường được thiết kế theo các bước sau:

2.2.2.1. Thiết kế khung khái niệm

Đây là mấu chốt triển khai phương pháp dạy học này. GV cần phải thiết kế hoặc hướng dẫn SV cùng thiết kế được khung khái niệm xoay quanh chủ đề học tập. Điều này có tác dụng làm tăng niềm tin của SV đối với việc học, thúc đẩy chúng thực hiện các hoạt động trí tuệ để chuyển hóa từ trình độ hiện tại sang trình độ phát triển tiềm năng. Thông thường đối với các kiến thức khác nhau, việc tạo dựng khung khái niệm cũng khác nhau. Khi “bắc giàn giáo”, chúng ta cần phải lưu ý đến tính phổ biến và tính đặc thù của từng loại tri thức. Tính phổ biến mà chúng tôi nói ở đây là chỉ những phương pháp xử lí thông thường và mang tính phổ quát khi GV giảng dạy những kiến thức mới. Còn tính đặc thù là chỉ những phương pháp có ý nghĩa đặc biệt khi GV tiến hành phân tích để hình thành nên kiến thức mới.

2.2.2.2. Thiết kế tình huống

Quá trình dạy học GV phải biến khung khái niệm tĩnh và đơn diện thành hoạt động dạy học trên lớp động và đa chiều, vì vậy cần phải thiết kế các tình huống hoạt động. Qua đó giúp SV từng bước phát triển thêm khung khái niệm của mình, phát triển ở một trình độ cao hơn, thực sự khiến cho việc học đi trước sự phát triển. Điều này đòi hỏi GV cần phải có trình độ lí luận cao và kinh

nghiệm thực tiễn phong phú để biến những kiến thức cần học thành những vấn đề, đặt chúng trong những tình huống cụ thể để hướng dẫn, giúp đỡ SV cùng suy nghĩ, giải quyết.

2.2.2.3. Độc lập tìm tòi

Khi SV bước vào tình huống nhất định, GV cần để chúng độc lập tìm tòi, sáng tạo. Vì vậy, để thành công, trong khi thiết kế các tình huống hoạt động, GV cần phải tiên liệu được những khó khăn mà SV sẽ gặp phải để có những biện pháp hỗ trợ thích hợp. Quá trình SV hoạt động, GV nên chú ý quan sát, lắng nghe, sẵn sàng có biện pháp hỗ trợ khi SV thực sự cần; cần động viên, khích lệ kịp thời khi SV sáng tạo; khuyến khích để SV hoàn thành các hoạt động hiệu quả nhất; khi các hoạt động có dấu hiệu bế tắc cần kịp thời đưa ra biện pháp can thiệp, thậm chí là đề nghị kết thúc hoạt động. Vai trò hướng dẫn, giúp đỡ của GV lúc đầu có thể nhiều hơn, song sau đó cần giảm dần để SV chủ động và độc lập tìm tòi, kiến tạo, không ngừng phát triển khung khái niệm cho mình.

2.2.2.4. Hợp tác học tập

Trong một lớp học kiến tạo được tổ chức theo phương pháp “bắc giàn giáo”, hoạt động học tập của SV là hoạt động hiệp đồng, hợp tác. Sau khi kết thúc bước làm việc độc lập, GV tổ chức thảo luận theo nhóm. Cần phải làm rõ những yêu cầu, nguyên tắc hợp tác và nhiệm vụ cần thực hiện của các nhóm. Các thành viên trong nhóm tổ chức thảo luận, phân tích để đưa những ý kiến chung của nhóm và ý kiến riêng của từng thành viên. Quá trình thảo luận, GV cần phải quan sát, lắng nghe và nên tham gia thảo luận cùng với các nhóm ở các thời điểm khác nhau, đưa ra những kiến nghị về nội dung, phương pháp làm việc, thậm chí có những điều chỉnh nhất định đối với hoạt động không thích hợp. Như vậy, hoạt động dạy học theo phương pháp này là hoạt động hợp tác, hiệp đồng trong thực hiện các loại hình nhiệm vụ khác nhau giữa GV – SV và giữa SV với nhau.

2.2.2.5. Đánh giá hiệu quả

Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ cần phải tiến hành đánh giá hiệu quả học tập, bao gồm: SV tự đánh giá, nhóm SV đánh giá thành viên trong nhóm, GV đánh giá SV. Nội dung đánh giá bao gồm: năng lực tự học, những đóng góp chủ yếu của mỗi nhóm, ý nghĩa mà SV thu nhận được qua quá trình kiến tạo tri thức. Phần SV tự đánh giá và nhóm SV đánh giá thành viên trong nhóm có thể thông qua việc điền vào các bảng đánh giá đã thiết kế sẵn. Phần đánh giá của GV đối với SV có thể sử dụng các hình thức kiểm tra năng lực biểu đạt, đọc hiểu, khả năng nắm và sử dụng các từ vựng, khả năng viết..., hoặc sử dụng các loại thẻ như thẻ viết chữ, thẻ đọc, thẻ biểu đạt, thẻ tích lũy từ vựng...

2.3. Dạy học khẩu ngữ tiếng Trung Quốc theo phương pháp “bắc giàn giáo”

Sau đây, chúng tôi xin thiết kế một tiết giờ Khẩu ngữ tiếng Trung Quốc cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

Về đối tượng SV: SV K72, trường ĐHSP Hà Nội. Đây là những SV năm thứ hai, có nền tảng tiếng Trung Quốc nhất định, trong quá trình giảng dạy đã “nắm được các từ ngữ và cách biểu đạt khẩu ngữ ở trình độ trung cấp, đặc biệt là các thán từ và trợ từ ngữ khí trong các tình huống giao tiếp khẩu ngữ thông thường. Vận dụng được tri thức tổng quát để nắm được kỹ năng giao tiếp ở trình độ trung cấp, có kiến thức cơ bản về văn hoá xã hội, có khả năng tham gia thảo luận, biện luận về một số chủ đề thường gặp trong cuộc sống cũng như về các chủ đề văn hóa, xã hội, kinh tế v.v. với nội dung đơn giản. Sinh viên nắm chắc kiến thức về các chủ đề xoay quanh các vấn đề trong đời sống xã hội hiện nay, hệ thống bài tập đa dạng và các trò chơi lí thú. Các bài luyện khẩu ngữ được thiết kế theo chức năng giao tiếp như thăm hỏi, yêu cầu, cảm ơn, xin lỗi, khen ngợi, trách móc, lo lắng, an ủi, khuyên giải, v.v... [5]

Về giáo trình, tài liệu: Giáo trình chính “Phát triển Hán ngữ - khẩu ngữ trung cấp” phiên bản II (2011) của Lộ Chí Anh, bài “Quê hương” (家乡), phần 1. Các em nhận được một video clip về thành phố Dương Châu và Bắc Kinh.

Phương pháp dạy học “bắc giàn giáo” và việc ứng dụng vào giảng dạy môn Khẩu ngữ...

Về mục tiêu giảng dạy: (1) Hiểu nội dung bài học và có thể trả lời các câu hỏi liên quan tới chủ đề của bài; (2) nắm được các từ ngữ trọng điểm, như: *có thể nói* (可以说), *xem như* (算是), *nói thật là* (说实在的), *cũng tốt thôi* (也好/罢), *đều/luôn* (都/总)..., có thể sử dụng chúng trong giao tiếp; (3) nói được một cách khái quát hoặc mở rộng về Dương Châu, về Bắc Kinh và về quê hương của bạn.

Về phương pháp: Học tập theo nhóm (chia làm 4 nhóm).

Về giáo cụ: Dạy bằng PPT, video clip.

Về thời gian: 50 phút

| Các bước giảng dạy | Hoạt động của GV | Hoạt động của SV |
|----------------------------------|---|---|
| <i>Thiết kế khung khái niệm:</i> | Xây dựng khung câu hỏi xung quanh chủ đề: “ <i>Quê của bạn ở đâu?</i> ” (你的家乡是哪里?); “ <i>Bạn có thích quê của mình không?</i> ” (你喜欢你的家乡吗?); “ <i>Quê của bạn có gì khác biệt?</i> ” (你的家乡有什么不一样的地方?)... | Tất cả SV trả lời |
| <i>Thiết kế tình huống:</i> | (Trước đó, gửi cho các em xem clip về thành phố Dương Châu và Bắc Kinh. Trong đó, có diện mạo chân thực về cuộc sống ở Dương Châu và Bắc Kinh dưới nhiều góc độ.) (1) Xây dựng giá đỡ vấn đề 1: “ <i>Dương Châu có rộng lớn không?</i> ” (扬州大不大?), “ <i>Bạn có thích Dương Châu không?</i> ” (你喜欢扬州吗?), “ <i>Dương Châu thế nào?</i> ” (扬州怎么样?)... (2) Xây dựng giá đỡ vấn đề 2: “ <i>Bạn nghe nói đến những Thành phố trực thuộc Trung ương nào?</i> ” (你听说中国的哪些直辖市?), “ <i>Bắc Kinh rộng lớn không?</i> ” (北京大不大?), “ <i>So với Thượng Hải thế nào?</i> ” (比上海大吗?), “ <i>Bạn thích Bắc Kinh chứ?</i> ” (你喜欢北京吗?), “ <i>Bắc Kinh thế nào?</i> ” (北京怎么样?) | - Các nhóm SV đọc văn bản (có sự giúp đỡ của GV; chọn 1 em cần nâng cao kỹ năng đọc/nhóm để đọc). - Các nhóm báo cáo kết quả đọc được về thành phố Dương Châu. Nếu bạn là người lần đầu đến Dương Châu, bạn thấy: “ <i>Khí hậu ở Dương Châu thế nào?</i> ” (扬州的气候怎么样?), “ <i>Dương Châu có gì nổi tiếng?</i> ” (扬州的什么很有名?), “ <i>Các cô gái ở Dương Châu thế nào?</i> ” (扬州的姑娘怎么样?), “ <i>Bạn thích điều gì ở Dương Châu?</i> ” (你喜欢扬州的什么?). - Các nhóm SV đọc văn bản (có sự giúp đỡ của GV; chọn 1 em cần nâng cao kỹ năng đọc/nhóm để đọc). - Các nhóm báo cáo kết quả đọc được về thành phố Bắc Kinh. Nếu bạn là người lần đầu đến Bắc Kinh, bạn thấy: “ <i>Bạn thích gì ở Bắc Kinh nhất?</i> ” (你最喜欢北京什么?), “ <i>Bắc Kinh rộng không?</i> ” (北京多大?), “ <i>Dân số khoảng bao nhiêu?</i> ” (人口多少?)... |

| | | |
|-----------------------------------|---|--|
| | Dẫn dắt SV kết hợp với bài khóa ghi chép đặc điểm của Dương Châu và Bắc Kinh. | Nêu lí do mà các nhóm thích hoặc không thích ở hai thành phố này. |
| <i>Độc lập tìm tòi, khám phá:</i> | <p>Đặt khung câu hỏi: “<i>Có ai từng đến quê hương của David nào?</i>” (有人去过大卫的家乡吗?), “<i>Quê hương của David như nào nhỉ?</i>” (你觉得大卫的家乡怎么样?).</p> <p>GV khuyến khích, dẫn dắt SV cùng nhau dựng lên các khung cảm xúc, giúp học sinh tìm ra câu trả lời. Chú ý luyện tập các từ ngữ <i>có thể nói</i> (可以说), <i>xem như</i> (算是), <i>nói thật là</i> (说实在的), <i>cũng tốt thôi</i> (也好/罢), <i>đều/luôn</i> (都/总)...</p> | <p>Các nhóm trả lời: (Trên màn hình hiện ra các từ ngữ để HS luyện tập: <i>có thể nói</i> (可以说), <i>xem như</i> (算是), <i>nói thật là</i> (说实在的), <i>cũng tốt thôi</i> (也好/罢), <i>đều/luôn</i> (都/总)....)</p> <ul style="list-style-type: none"> - “<i>David thích gì ở quê mình?</i>” (大卫喜欢家乡的什么?); - “<i>David có nhớ quê không?</i>” (大卫想着家乡吗?); - “<i>David có về quê làm việc sau khi tốt nghiệp không? Tại sao?</i>” (大卫毕业后回家乡工作吗?为什么?). |
| <i>Hợp tác học tập:</i> | <p>GV sẽ đi đến các nhóm đặt một vài câu hỏi gợi ý, cung cấp cho các em một vài từ ngữ, giới thiệu thêm một vài nội dung như: “<i>Cơm rang Dương Châu nghe nói rất ngon</i>” (听说扬州炒饭很好吃), “<i>Trong 10 đặc sản của thành phố Dương Châu bạn thích cái gì nhất?</i> (扬州市十大特产中你最喜欢哪个?), “<i>Thế còn Bắc Kinh?</i>” (那北京呢?)</p> | Các thành viên trong nhóm tiến hành thảo luận để giới thiệu về Bắc Kinh hoặc Dương Châu, bao gồm: khí hậu, vị trí địa lí, danh lam thắng cảnh, văn hóa ẩm thực, lí do mình thích hoặc không thích, những gì tìm hiểu được trên mạng... |
| | Giao bài tập về nhà: Chia nhóm theo quê để giới thiệu. | Bạn là một hướng dẫn viên du lịch, bạn hãy thu thập video, hình ảnh tư liệu, các thông tin như vị trí, khí hậu, dân số, nghề nổi tiếng, văn hóa, ẩm thực, danh lam thắng cảnh... của làng quê mình để tổng hợp giới thiệu sau. |
| <i>Đánh giá hiệu quả:</i> | <p>GV đánh giá giờ học.</p> <p>Khi đánh giá, GV chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá sau SV; - Không nên chỉ xem kết quả thảo luận, cần chú trọng hơn đến tiến bộ của mỗi SV trong quá trình biểu đạt, bao gồm: khắc phục cảm giác sợ khó khăn, dũng cảm biểu đạt, mạnh dạn áp dụng từ ngữ và cấu trúc câu mới để biểu đạt, đoàn kết hợp tác trong quá trình thảo luận, mức độ tham gia của SV... - Chỉ nên đánh giá các mặt chính, khuyến khích, khẳng định, biểu dương tính tích cực biểu đạt của SV là chủ yếu. | Trong nhóm SV tự đánh giá, đưa ra những ưu khuyết điểm của mình (1-2 câu). |

3. Kết luận

Tóm lại, giờ Khẩu ngữ, theo phương pháp truyền thống, GV luôn là người nói nhiều nhất, “nhồi nhét” kiến thức ngôn ngữ cho SV. Còn theo phương pháp “bắc giàn giáo”, SV là chủ thể, GV luôn lấy SV làm trung tâm, giảng ít luyện nhiều, rèn luyện tư duy biểu đạt, học tập tự chủ, khám phá cái mới. Họ được chủ động tham gia giao tiếp nhiều nhất có thể, được nâng cao năng lực giao tiếp trong ngữ cảnh gần với thực tế, từ đó không ngừng được nâng cao tri thức và năng lực tri nhận cho mình. Áp dụng phương pháp này chính là thực hiện việc chuyển đổi nhiệm vụ quản lí việc học từ GV sang chính học sinh thông qua sự tham gia hướng dẫn, giúp đỡ (dựng giàn giáo) và rút lui (dỡ giàn giáo) của GV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] NV Thiện, (2012). “Quan điểm dạy học: truyền thống và kiến tạo”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 57(7), 81-82.
- [2] Vygosky L, (2005). 维果茨基教育论著选 (*Tuyển chọn những trước tác về giáo dục luận*). Dư Chân Cầu tuyển dịch. Nxb Giáo dục Nhân dân, Trung Quốc, 55-56.
- [3] Wood DJ, Bruner J S & Ross G, (1976). “The role of tutoring in problem-solving”. *Journal of Child Psychiatry and Psychology*, 17(2), 89-100.
- [4] LZ Hou, (2010). 变革课堂教学方式 (*Cách mạng trong đổi mới phương pháp dạy học*). Nxb Giáo dục Quảng Đông, Trung Quốc, 260.
- [5] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, mã ngành 7220204 (Ban hành theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHSPHN ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 494.